

QUÁ TRÌNH KIẾN TẠO KHÔNG GIAN TƯ TRONG KHU TẬP THỂ CŨ Ở HÀ NỘI

TS. Nguyễn Vũ Hoàng
ThS. Trần Thị Quỳnh Trang
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: hoang.nguyen@vnu.edu.vn

Tóm tắt: Các công trình nhà khu tập thể cũ ở Hà Nội là sản phẩm của thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, nó chứa đựng những ký ức giúp tìm hiểu về những biến đổi trong đời sống sinh hoạt của cư dân khu tập thể từ giai đoạn trước cho đến hiện nay. Hơn nữa, khu tập thể còn là nơi lưu giữ những giá trị tinh thần, giá trị văn hoá của thời kỳ bao cấp còn tồn tại cho đến tận ngày nay. Trong xu thế hiện nay ở Hà Nội, khu tập thể đang dần được thay thế bằng các khu nhà cao tầng theo kiểu chung cư mới và sẽ làm mất đi những mối quan hệ, lối sống đã tồn tại hơn nửa thế kỷ trong một không gian đặc biệt của Hà Nội. Thông qua lăng kính kiến tạo không gian, bài viết xem xét sự hình thành và biến đổi không gian cư trú của các hộ gia đình. Từ đó, phân tích về sự thương thảo giữa các cư dân trong không gian khu tập thể nhằm làm nổi bật những mối quan hệ giữa các cá nhân, các hộ gia đình với cộng đồng. Sự thương thảo diễn ra trong mọi không gian và mang những nét đặc trưng của khu tập thể cũ ở Hà Nội.

Từ khóa: Không gian tư, không gian cư trú, kiến tạo không gian, khu tập thể cũ, Hà Nội.

Abstract: Old collective zones in Hanoi are products of the early period of socialist construction. They hold memories that help us understand the changes in the daily lives of residents in these areas from previous periods to the present. Furthermore, the collective zones serve as places to preserve the spiritual and cultural values of the subsidy period that still endure today. In the current trend in Hanoi, collective zones are gradually being replaced by new condominium-style high-rise buildings, which will lead to the loss of the relationships and lifestyle that have existed for more than half a century in the unique space of Hanoi. Through the lens of spatial construction, the article examines the formation and transformation of household residential spaces. From this, an analysis of the negotiations among residents in the collective zones aims to highlight the relationships between individuals, households, and the community. Negotiations occur in every space and exhibit the characteristics of the old collective zones in Hanoi.

Keywords: Private space, residential space, spatial construction, old collective zones, Hanoi.

Ngày nhận bài: 3/1/2024; ngày gửi phản biện: 7/1/2024; ngày duyệt đăng: 23/4/2024.

Mở đầu

Nghiên cứu về khu tập thể (KTT) ở Hà Nội đã được nhiều học giả quan tâm từ các góc độ như xây dựng (Dương Đức Tuấn, 2005), kiến trúc (Đặng Hoàng Vũ, 2017), xã hội học (Trịnh Duy Luân, Hans Schenk, 2000; 2021), tuy nhiên từ tiếp cận nhân học vẫn chưa có nhiều công bố về lĩnh vực này. Những công trình gần đây về chủ đề này thường chỉ tập trung vào nguồn gốc viên chức của cư dân KTT, hay mối quan hệ kiểu “làng xóm” ở không gian đô thị. Do đó, bài viết này lựa chọn một góc nhìn mới, xem xét cách nhìn nhận về không gian cư trú của các cư dân và chỉ ra sự chuyển biến, vận động của việc kiến tạo không gian cư trú qua từng giai đoạn lịch sử của Thành phố Hà Nội. Bài viết dựa trên nghiên cứu thực địa trong hai năm 2021 và 2022 tại KTT Kim Liên, Hà Nội.

Khi nghiên cứu về không gian trong đô thị, nhiều học giả như Pierre Bourdieu (1977), Henri Lefebvre (1991), đã đưa ra những luận điểm lý thuyết lớn. Trong khi Bourdieu nhấn mạnh đến những yếu tố bền vững của con người như thói quen, sở thích, hành vi vốn có đã ảnh hưởng tới lối sống hiện tại của chủ thể trong một không gian sống thì Lefebvre tập trung phát triển khái niệm không gian (space) để nghiên cứu các khía cạnh xã hội trong thành phố, môi trường đô thị và cách những cư dân đô thị sử dụng không gian. Ông cho rằng cần nhìn nhận ba trụ cột cốt lõi trong nghiên cứu không gian là: “không gian nhận thức” (perceived space), “không gian hình thành” (conceived space) và “không gian sống” (lived space). Nếu như “không gian nhận thức” nằm ở bề sâu, mỗi con người cần sống đủ lâu để tạo dựng nên ý niệm tinh thần về không gian đang sống thì “không gian hình thành” có tính vật chất như kiến trúc, vật liệu, và “không gian sống” cần được hiểu là tính xã hội của không gian. Trên cơ sở đó, Nguyễn Văn Chính nhấn mạnh rằng: *“Không gian là một sản phẩm xã hội nên nó có vai trò như một công cụ của tư duy và hành động, đồng thời là phương tiện kiểm soát và cai trị. Không gian đô thị là sản phẩm của một xã hội, đồng thời là nền tảng của tái sản xuất xã hội”* (Nguyễn Văn Chính, 2020, tr. 261). Lefebvre chỉ ra rằng, các nhà quy hoạch đô thị của Liên bang Xô Viết trong thời kỳ xây dựng xã hội chủ nghĩa đã thất bại bởi vì họ chỉ tái tạo mô hình thiết kế đô thị theo chủ nghĩa hiện đại mà không tạo ra được một không gian xã hội chủ nghĩa (Lefebvre, 1991, p. 59). Không gian đô thị được con người sản sinh ra và nó phụ thuộc vào điều kiện chính trị xã hội của mỗi thời đại.

Nghiên cứu sự dàn xếp trong không gian KTT góp phần xem xét sự hình thành và biến đổi không gian dưới tác động của nhiều chủ thể. Không gian theo Lefebvre có thể hiểu là một sản phẩm được kiến tạo và được tái tạo bởi chính hoạt động của con người (Lefebvre, 1991). Do đó, không gian không phải là một sản phẩm của tự nhiên, của Nhà nước hay một chủ thể nào đó tạo ra và được tồn tại lâu dài. Thay vào đó, không gian cần được xem xét như một “thực tại xã hội” và ở đó có các mối quan hệ giữa các chủ thể sinh sống và trực tiếp góp phần biến đổi không gian đó (Nguyễn Văn Chính, 2020, tr. 260). Trong ba không gian, không gian sống diễn ra những quá trình thương thỏa giữa các chủ thể để trao đổi thỏa thuận với nhau

cùng thống nhất, thỏa mãn nhu cầu của các bên. Thông qua quá trình thương thảo, những không gian nhận thức và không gian hình thành cũng bị tác động và biến đổi theo.

Qua việc chỉ ra các khái niệm lý thuyết, có thể thấy rằng: Thứ nhất, tiếp cận về không gian của Lefebvre, với ba loại không gian: không gian nhận thức, không gian hình thành và không gian sống, có thể giúp phân tích những chiều cạnh của việc hình thành các không gian đó trong bối cảnh kinh tế - xã hội cụ thể. Thứ hai là tiếp cận về kiến tạo không gian đưa ra góc nhìn về sự thương thảo giữa các chủ thể để biến đổi công năng, mở rộng không gian vốn có nhằm đáp ứng nhu cầu sống của bản thân và gia đình.

1. Khu tập thể Kim Liên và những chuyển biến trong mối quan hệ cộng đồng

Thập niên 1950, khu vực phường Kim Liên ngày nay vốn là vùng ngoại ô của thành Thăng Long, nằm trên một phần đất canh tác của các làng Kim Liên, Trung Tự và Phương Liệt. Sau khi từ chiến khu trở về thủ đô, Chính phủ và Ủy ban hành chính Thành phố Hà Nội có chủ trương cung cấp nhà ở cho cán bộ công nhân viên các cơ quan của Trung ương và Thành phố để đảm bảo đời sống. Thực hiện chủ trương này, KTT Kim Liên thuộc xã Phương Liệt (thành lập năm 1956) trở thành một trong những KTT cao tầng đầu tiên được khởi công xây dựng. Năm 1960, KTT Kim Liên bắt đầu được xây dựng trên cánh đồng làng Kim Liên, làng Trung Tự và một phần đồng ruộng của làng Phương Liệt. Thiết kế tổng thể ban đầu gồm 22 nhà bốn tầng, 1 trường học, 1 nhà trẻ, 1 nhà ăn và một số công trình phúc lợi khác. Đối với các kỹ sư Việt Nam thời bấy giờ, việc xây dựng một công trình lớn như vậy là điều không dễ dàng (Đảng bộ phường Kim Liên, 2013; Nguyen Van Huy & Nguyen Vu Hoang, 2023).

1.1. Thời kỳ đầu tiên (1960 đến 1986)

Đầu năm 1962, đã có trên 5.000 người đến sinh sống tại KTT Kim Liên và thực tế đòi hỏi phải có tổ chức và cán bộ để giải quyết những công việc có quan hệ đến đời sống nhân dân (Đảng bộ phường Kim Liên, 2013). Hồi ký của nhà văn Vũ Công Chiến cho biết, KTT Kim Liên đón nhận cư dân làm việc ở nhiều cơ quan từ Trung ương đến địa phương. Mỗi cơ quan được phân phối hơn chục căn hộ. Mỗi khối nhà B lại có các gia đình từ nhiều cơ quan khác nhau. Riêng các nhà B1 đến B4, có các gia đình của ngành đường sắt. Nhà B5 chủ yếu dành cho gia đình ngành ngoại thương và Bộ Công nghiệp nhẹ. Nhà B5 lẽ là Bộ Lương thực, nông nghiệp, nông trường. B6 hẳn lại có nhiều người bên ngân hàng, còn B6 lẽ đa phần bên Bộ Đại học, Bộ Giáo dục. Nhà B8 hẳn chủ yếu ngành bưu điện. Nhà B9 lẽ gồm Viện Kiểm sát và Tòa án, Báo ảnh Việt Nam, Trung ương Đoàn. Nhà B12 có nhiều người làm ở Bộ Ngoại giao, B13 lẽ gồm nhiều gia đình làm ở Nhà máy in Tiến Bộ,... (Vũ Công Chiến, 2019, tr. 23). Mặc dù đa phần các cán bộ thuộc từng cơ quan được phân vào ở các khối nhà như vậy, nhưng cũng rất nhiều gia đình và cá nhân xen kẽ từ nhiều cơ quan khác nhau. Trong các nhà B cũng có một số gia đình miền Nam tập kết về ở. Từ đó, tạo nên một bức tranh đa dạng về thành phần cư dân ở KTT Kim Liên.

Các cư dân được phân phối nhà ở KTT Kim Liên vốn từ nhiều nơi khác nhau tập trung về đây ở. Chỉ trong hai đến ba năm, các gia đình cùng nhau hợp thành cư dân KTT Kim Liên và đã tạo nên một nét văn hoá riêng. Một điểm chung lớn của cư dân là phần lớn họ đều làm việc trong các cơ quan, nhà máy của Nhà nước. Mặt bằng văn hoá và điều kiện sống có đủ tem phiếu bao cấp ở vị trí khá trở lên của xã hội. Người lớn ban ngày đi làm, trẻ con đi học. Lối xây dựng theo lý thuyết tiêu khu nhà ở bao gồm cả trường học, nhà ăn, khu dịch vụ đã khiến cho cơ sở hạ tầng khu Kim Liên khép kín và đầy đủ (Tat Thanh Duong, 2022). Nhà văn Vũ Công Chiến cho rằng: “Mặc dù cuộc sống còn nhiều thiếu thốn như nhau nhưng cư dân Kim Liên đã cùng nhau tạo được một nếp sống văn hoá, cư xử với nhau rất nhân ái, sẵn sàng giúp nhau lúc tối lửa tắt đèn” (Vũ Công Chiến, 2019, tr. 61).

1.2. Thời kỳ từ sau Đổi mới (1986) đến nay

Trải qua hơn 60 năm tồn tại, KTT Kim Liên chứng kiến nhiều lớp người đến và chuyển đi. Cư dân ở đây đều cho rằng những người được phân phối nhà thời kỳ đầu còn ở lại rất ít. Trong cuốn hồi ký của mình, nhà văn Vũ Công Chiến cho biết: thế hệ thứ nhất và thứ hai ở nhà B9 còn rất ít người. Những nhà có điều kiện hơn đã đi mua đất nơi khác xây nhà hoặc mua căn hộ chung cư mới, rộng rãi hơn (Vũ Công Chiến, 2019, tr. 263).

Những năm gần đây, cách phân tổ dân phố của khu Kim Liên cũng thay đổi nhiều. Trước đây nhiều thập niên, mỗi cầu thang nhà B là một tổ dân phố gồm 32 gia đình. Vì thế, hầu như ngày nào đi làm, người ta cũng gặp hay nhìn thấy nhau do lên xuống cùng cầu thang. Trẻ con biết rõ bạn bè hay anh chị ở từng phòng. Tổ dân phố cũng thân thiết nhau hơn qua những lần gặp mặt. Hiện nay, chính quyền gộp lại theo khối nhà hoặc theo khu vực gần nhau nên số lượng hộ gia đình trong một tổ lớn hơn nhiều lần. Nhiều gia đình mới đến cũng không biết những gia đình ở đây lâu năm. Điều này cũng ảnh hưởng đến mối quan hệ, sự gắn kết giữa các cư dân trong tổ dân phố. Nhà văn Vũ Công Chiến nhận định: “Bây giờ điểm lại cư dân ngày xưa còn ở lại Kim Liên để hơn nhiều so với việc kiểm lại những ai đã rời khỏi Kim Liên” (Vũ Công Chiến, 2019, tr. 268). Những người ra đi cũng hay tìm về để thăm hỏi hoặc uống cafe, nhâm nhi cái hình ảnh cuộc sống trước đây.

Ông Nguyễn V. A, cư dân KTT Kim Liên hơn 60 năm, chia sẻ với chúng tôi: “Ở đây ông bà thường xuyên trò chuyện, hỏi thăm những người cùng lứa tuổi bởi vì họ sống ở đây cùng ông bà từ những ngày mới chuyển đến, đến giờ họ vẫn ở đây, nên vẫn rất thân thiết và giúp đỡ nhau. Còn những người mới đến, thường là những người trẻ, họ cũng biết mình nhưng cũng chỉ chào hỏi xã giao thôi chứ không thân”. Có thể thấy một sự trống vắng, lạnh nhạt hơn giữa các cư dân trong KTT hiện nay.

2. Biến đổi về quan hệ cộng đồng dẫn tới biến đổi về không gian tư

2.1. Không gian nguyên gốc căn hộ

KTT Kim Liên là sản phẩm đầu tiên được thiết kế, xây dựng theo hình thức tiêu khu, có nhóm nhà ở, hệ thống nhà trẻ, trường học, cửa hàng bách hoá. Cấu trúc của KTT Kim Liên

mang đặc điểm đặc trưng của thể hệ nhà tập thể đầu tiên ở Hà Nội với diện tích hơn 90.000m² và cung cấp chỗ ở cho hơn 20.000 người (Nhiều tác giả, 2018, tr. 12). Theo thiết kế ban đầu, Khu B có 14 nhà B được đánh số từ 1 đến 14, mỗi khối nhà có hai cầu thang dẫn lên các căn hộ đánh số chẵn và đánh số lẻ. Các khối nhà ở khu B cũng không phải là hoàn toàn giống nhau về kiến trúc. Trong 14 nhà B, nhà B4, B7, B10, B14 được thiết kế xây dựng dành riêng cho cán bộ chưa có gia đình, các nhà này công trình phụ sử dụng chung, không có nhà bếp, đồng thời xây dựng nhà ăn tập thể liền kề với các khối nhà, để phục vụ nhu cầu ăn uống, sinh hoạt (Vũ Công Chiến, 2019). Theo Vũ Công Chiến, các cán bộ được phân đến khối nhà này ở đều không có gia đình đi kèm, 3-4 người ở một phòng và phần lớn trong số họ chỉ đến ở một thời gian ngắn khi về Hà Nội công tác rồi lại chuyển đi. Mô hình nhà ở tập thể dành cho cá nhân này cũng xuất hiện ở KTT Nguyễn Công Trứ từ năm 1960.

Trong khi đó, 10 khối nhà B còn lại được làm theo thiết kế mỗi tầng có 8 căn hộ, mỗi phía 4 căn, cầu thang ở giữa; cứ 2 gia đình ở chung một căn hộ có chung cửa ra vào, nhà tắm, nhà bếp và nhà vệ sinh. Nhiều nhà nghiên cứu, cư dân sống ở KTT Kim Liên chỉ ra rằng, thiết kế ban đầu của Triều Tiên dành cho mỗi căn hộ có 2 phòng ngủ, 1 phòng bếp, 1 nhà vệ sinh và 1 nhà tắm riêng biệt. Tổng diện tích của một căn hộ là gần 40m². Tuy nhiên, khi đưa vào sử dụng thực tế, Nhà nước lại chia thành 2 căn hộ cho 2 gia đình, dẫn tới có đến 8 hộ sống trong một tầng chứ không phải là 4 hộ như trong thiết kế gốc. Việc sử dụng chung công trình phụ cũng dẫn đến nhiều phiền toái sau này (Vũ Công Chiến, 2019; Dương Tất Thành, 2019). Một nghiên cứu của Logan chỉ ra rằng, các căn hộ ở KTT Kim Liên chủ yếu dành cho công nhân viên chức nhà nước ở các cấp. Chất lượng thiết kế các căn hộ cũng ở trên mức trung bình. Tuy nhiên, với mức độ yêu cầu số lượng quá cao, các căn hộ đã nhanh chóng được phân phối cho nhiều hộ gia đình tới ở và với mật độ rất cao (Logan, 2000, p. 204).

Về cấu trúc, các kiến trúc sư Triều Tiên và Việt Nam đã thiết kế nhà ở cao tầng đầu tiên là nhà ở khu A và khu B; đó là nhà kiểu tám nhỏ (blocs), tám tường ngang chịu lực dày 20cm (bước nhà 3,6m, chiều ngang thông thủy mỗi phòng 3,4m), mái bằng hai lớp, có độ dốc lớn nên chống thấm rất tốt (Đặng Thái Hoàng, 1985, tr. 39). Về không gian nhà có mặt bằng kiểu hành lang bên (rộng 1,5m), mỗi bên cầu thang (rộng 2,7 m) có 2 căn hộ. Mỗi căn hộ 2 phòng có 1 khối bếp và 1 khối vệ sinh đặt ở khu vực cửa ra vào. Diện tích mỗi phòng là 18,2m²; hai phòng đầu hồi lớn, khoảng 19,7m² và 21,1m², gần như mỗi phòng đều có lô-gia (Đặng Thái Hoàng, 1985, tr. 39). KTS Trịnh Hồng Triền (1984) đánh giá: “*Cũng lần đầu tiên xây dựng tại Hà Nội, thiết kế khu A, khu B Kim Liên, lắp ghép tám xi đã thể hiện “căn hộ khép kín”, song các phòng ở với diện tích lớn trên 20m², thường là 2 phòng sử dụng một khu phụ. Các căn hộ này diện tích quá lớn, không phù hợp với tiêu chuẩn phân phối ở nước ta, với 4m²/người nên rất ít gia đình được “khép kín” trong một căn hộ*”. Vào thời điểm đó, tỷ lệ hộ ở chung ở Kim Liên lên đến khoảng 61%. Những hộ, những người độc thân ở chung một căn phòng hay ở chung một căn hộ này đương nhiên phải sử dụng bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm chung. Đó là một điều rất bất tiện

nhưng lại bất khả kháng trong bối cảnh nhà ở được xây dựng mà không tính toán đầy đủ đến tiêu chuẩn và khả năng sử dụng của con người.

2.2. Thương thỏa trong sử dụng không gian

2.2.1. Thời kỳ từ 1962 đến 1975

“Thương thỏa” trong bài viết này được hiểu là việc thương thuyết và thỏa hiệp giữa các cư dân với nhau để cùng sống hài hòa trong không gian chung (Nguyễn Thị Phương Châm, 2020). Việc chung sống của các cư dân trong KTT Kim Liên diễn ra hàng ngày từ khi họ chuyển về ở trong các khối nhà này. Những ký ức từ chuyện ở chung căn hộ, vệ sinh chung đến nhà ăn tập thể đều in đậm trong tâm trí những cư dân lâu năm của KTT. Chuyện nhà ăn tập thể và nhà vệ sinh qua hồi ký của Vũ Công Chiến thể hiện sinh động cuộc sống ở KTT Kim Liên: *“Từ cuối năm 1962, nhà ăn hai tầng Kim Liên ở phía đầu nhà B14 đã xây dựng và đi vào hoạt động. Đây là thời kỳ bao cấp tem phiếu, cuộc sống tuy còn nhiều thiếu thốn nhưng mọi người có cuộc sống ổn định, ít biến động”* (Vũ Công Chiến, 2019, tr. 81-82).

Một số gia đình khác tuy không ở khối nhà tập thể độc thân nhưng lại lựa chọn ăn ở Nhà ăn Kim Liên để đỡ phải nấu nướng. Bà Vũ T. M, người ở KTT Kim Liên từ đầu thập niên 1960, cho biết: *“Nhà tôi cứ đến bữa thì xuống đó ăn, vừa đỡ phải nấu, vừa tiện. Lúc đó mới sinh con nên không muốn bận rộn nấu nướng”*. Bà kể tiếp, sau đó vài năm gia đình bà mới tự nấu để chủ động nguồn thức ăn trong thời kỳ thiếu thốn. Sau chiến tranh, Nhà ăn Kim Liên chuyển dần thành cửa hàng thực phẩm. Tầng 1 bán một số hàng hóa như thịt, cá, mắm muối và cả thức ăn nấu sẵn. Sau thời bao cấp (1986), nhà ăn này trở thành cơ sở chuyên kinh doanh tổ chức tiệc cưới.

Thời gian đầu từ năm 1962, việc đến sống cùng một KTT là trải nghiệm rất mới. Mỗi gia đình đến ở KTT Kim Liên đều là cán bộ nhà nước ở Hà Nội nên phần lớn có một cách sinh hoạt của những người làm nhà nước. Buổi sáng cha mẹ đi làm ở cơ quan, con cái đi học; buổi trưa có thể về ăn cơm, đón con và chiều lại đi làm đến tối. Trong bối cảnh đất nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và hỗ trợ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam, mọi người dường như chỉ biết tập trung vào công việc và đời sống gia đình. Hai gia đình với khoảng từ 4 đến 6 hoặc 8 người dùng chung một khu bếp và vệ sinh cũng không phải quá khó khăn.

Mặc dù từ nhiều vùng quê chuyển về ở KTT Kim Liên và làm việc ở những cơ quan khác nhau nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, các gia đình trở nên thân thiết như “tình làng nghĩa xóm” ở nông thôn. Các gia đình làm cho Nhà nước và ở trong chế độ tem phiếu nên điều kiện sống cũng không quá khác biệt. Thời gian này ở KTT Kim Liên không có tiểu thương. Mỗi cầu thang nhà B có 32 gia đình ứng với 32 căn hộ. Ông Chiến cho biết tài sản lớn ở thời đó cũng không có gì nên các gia đình ở chung nhau cũng chỉ có một điều bất tiện là quá đông người và gia đình nhỏ không có không gian riêng. Cô Ngô T. P, sinh sống ở

KTT Kim Liên 35 năm, cho biết: *“Cô thấy bất tiện ở chỗ là nhà vệ sinh quá chật, nếu mình muốn nấu ăn mà lại có người đi vệ sinh thì nó không có sự riêng tư, nên nếu mời khách đến nhà cũng nhiều bất tiện người ta không muốn đến”*. Một điều có thể nhận thấy khi hai gia đình ở chung trong một căn hộ, cả hai đều biết nhau ăn những món gì trong các bữa cơm. Chị Phạm T. T, 52 tuổi chia sẻ rằng, đó cũng là một niềm vui của trẻ nhỏ, lúc các bà mẹ nấu cơm thì quanh quẩn chơi quanh bếp, rồi có lúc được nếm thử một miếng xào nấu của nhau và tạo nên không khí vui vẻ, thậm chí hơn. Chị kể tiếp: *“Thời đó khó khăn và thực phẩm phân phối nên cũng không có gì khác biệt. Đến ngày phát thịt mỡ thì cả tầng rán mỡ, ngày nhận rau muống thì cả tầng ăn rau muống. Có khác là cách chế biến mà thôi”*.

2.2.2. Thời kỳ Bao cấp (1976 - 1986)

Sau khi thống nhất đất nước, cả nước bước vào thời kỳ kinh tế kế hoạch hóa tập trung, hay còn gọi là thời bao cấp. Cuộc sống sau năm 1975 là khoảng thời gian thiếu thốn lương thực. Nhiều gia đình phải tăng cường kiếm những việc thủ công về nhà làm. Nếu như Vũ Công Chiến học được nghề sửa chữa tivi, đài và rong ruổi chiếc xe đạp đi khắp các nơi ngoài giờ làm việc để kiếm thêm (Vũ Công Chiến, 2009, tr. 218) thì nhiều hộ gia đình khác làm những việc như: in và dán phong bì, rang lạc, đóng gói, thậm chí cả nuôi chim cút, nuôi heo trên tầng cao của KTT. Không ai bảo ai, nhưng đó là cách các hộ gia đình vượt khó trong thời kỳ bao cấp.

Từ năm 1980, có một sự cải tạo quy mô nhỏ nhưng diễn ra hàng loạt ở KTT Kim Liên. Đó là việc hầu như các cặp gia đình có chung công trình phụ đều thỏa thuận với nhau để xây tách riêng độc lập. Thiết kế ban đầu căn hộ 2 phòng ngủ và công trình phụ được bố trí đối xứng nên nhà bên này có bếp lấy bếp, nhà bên kia có nhà vệ sinh và nhà tắm thì lấy hai nhà đó. Sở dĩ phân chia được như vậy là vì diện tích tổng đều bằng nhau. Sau đó, mỗi nhà tự thiết kế lại công trình phụ của nhà mình sao cho phù hợp nhất. Vũ Công Chiến còn cho biết: *“Ngày nay, khách đến khu Kim Liên không còn nhận ra dấu vết hai căn hộ dùng chung công trình phụ năm xưa nữa”* (Vũ Công Chiến, 2019, tr. 232). Việc chia tách căn hộ độc lập diễn ra như một nhu cầu thiết yếu, bởi lẽ trong cuộc sống riêng của mỗi gia đình có những việc riêng cần sự kín đáo. Cư dân KTT Kim Liên lúc này đã pha trộn cũ mới, chưa có điều kiện gần gũi nhau nhiều, nên trong sinh hoạt nhiều khi giữ nếp xã giao. Mặc dù trẻ con vẫn vô tư, gặp nhau là làm quen, kết bạn, nhưng các bậc phụ huynh lại dè dặt hơn.

Nhiều cư dân nhớ lại, thời trước, khi gần đến bữa ăn, nhà có trẻ nhỏ phải giữ trong nhà, sợ con sang nhà bên nhìn mâm cơm nhà hàng xóm, nuốt nước bọt thì xấu hổ. Nhà nào đến bữa ăn cũng phải đóng chặt cửa. Thời kỳ bao cấp, kinh tế khó khăn, người ta rất sợ bị nhòm ngó, gia đình nào cũng sợ bị cho là có vấn đề. Điều này đã dần tạo nên sự dè dặt, nghi kỵ lẫn nhau. Việc này, phần nào đó làm mất dần đi những nếp sống tốt đẹp như chia sẻ, sẵn sàng giúp nhau lúc khó khăn được xây dựng từ thể hệ cư dân đầu tiên ở Kim Liên. Những câu chuyện có nhà làm thịt con gà, lúc cất tiết phải bóp chặt mỏ để tránh tiếng kêu; sau khi

luộc xong phải lấy kéo cắt chứ không dùng dao chặt, mục đích là để hàng xóm không nghe thấy nhà mình chặt thịt gà. Hơn thế nữa, các nhà ăn xong phải gói kỹ xương gà và những vật liên quan đem đi vứt thật xa. Những câu chuyện này chúng tôi được nghe đi nghe lại nhiều lần khi trò chuyện với cư dân sống lâu năm ở các khối nhà B KTT Kim Liên. Điều đó chứng tỏ rằng, trong thời kỳ bao cấp, người ta rất sợ mình có điều kiện hơn người xung quanh. Dần dần, lối sống này tạo ra nhu cầu sống riêng tư, kín kẽ với từng cá nhân, từng hộ gia đình.

2.2.3. Thời kỳ Đổi mới (từ 1986 đến nay)

Cuối thập niên 1980 đến đầu thập niên 1990, đất thổ cư ở Hà Nội bắt đầu trở thành mối quan tâm của cư dân thành phố và KTT Kim Liên cũng không tránh khỏi cơn sốt này. Thời kỳ đó, những người thuộc thế hệ thứ hai của KTT Kim Liên đã lập gia đình nên nhà nào cũng thêm người, đông con và khó có thể ở dồn trong căn hộ rộng chừng 20m² được. Từ đó, nảy sinh hiện tượng “nhảy dù” xuống đất, mỗi gia đình tìm những thứ có thể dùng để quây lại một khoảng đất cho mình, làm chỗ cất đồ đạc, che mưa, che nắng. Lúc đầu thì với lý do trồng rau để cải thiện bữa ăn, nhưng sau thì được quây kiên cố dần và trở thành bất khả xâm phạm. Trong bối cảnh sinh sống chung trong KTT, một nhà làm được thì những nhà khác cũng có thể làm được. Có những hộ gia đình quây được 30m², hoặc người ít hơn thì khoảng 20m². Trong khi đó, những người ở tầng một thì thường rào hay xây tường con kiến làm cái sân nhỏ ra 3m trước cửa nhà mình “để trồng rau và giàn hoa” (Vũ Công Chiến, 2019, tr. 251).

Bàn về chủ đề này, nhiều nghiên cứu khoa học xã hội đã mô tả sự đa dạng và nhạy bén của cư dân trong việc coi nhà của mình, “*gốc rễ nông thôn thường được viện dẫn để giải thích cho việc chiếm dụng tư nhân một phần đất công*”, nhưng thực tế là sau đó, mảnh vườn biến thành một nhà tạm được sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp (Trịnh Duy Luân & Hans Schenk, 2021, tr. 79). Một cách khác, như Chijs và Oudkerk Pool chỉ ra ở KTT Quỳnh Mai là khi công nhân xây dựng nhà thì dựng lán ở công trường để ngủ. Và sau khi hoàn thành công trường thì cũng giữ lại lán đó để ở luôn vì “cái lán này không có giá trị, thà cứ để đấy còn hơn là phá đi” (Chijs & Oudkerk Pool, 1999, dẫn theo Trịnh Duy Luân và Hans Schenk, 2021, tr. 80). Có thể nói từ nửa cuối thập niên 1980 trở đi, nhiều khó khăn trong đời sống kinh tế đất nước và bối cảnh chật chội của các phòng ở của KTT Kim Liên nói riêng hay KTT ở Hà Nội nói chung đã khiến cho các cư dân nhìn nhau để coi nhà, mở rộng, để bung ra ngoài phạm vi không gian căn hộ được phân.

2.3. Thương thỏa trong việc cải tạo không gian

Trước năm 2000, các khối nhà trong KTT Kim Liên vẫn hoàn toàn thuộc quyền của Nhà nước quản lý. Thời kỳ đó, Nhà nước vẫn có cơ quan phụ trách bảo trì và cứ 5 năm một lần các khối nhà lại được quét vôi tường trong và ngoài nhà, sơn lại các cửa ra vào, cửa sổ. Sau này, một số nhà tự sửa chữa thêm và Nhà nước chỉ quét vôi ngoài các khối nhà. Tuy nhiên, việc cải tạo nhà cửa để bảo vệ tài sản của mình chỉ được tăng cường khi các cư dân trở thành chủ sở hữu căn hộ.

Năm 1994, Chính phủ ban hành Nghị định 61-CP về việc bán nhà thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê. Tuy nhiên, đến năm 1999, cư dân KTT Kim Liên mới được phổ biến. Về vấn đề hóa giá nhà, nhà văn Vũ Công Chiến mô tả rất kỹ trong hồi ký của mình: “Sau bốn chục năm sử dụng, nhà chung cư ở Kim Liên được tính là nhà cấp 2. Giá mua nhà đồng loạt là 5 triệu đồng một căn hộ. Giá vàng lúc đó là 5 triệu đồng một cây vàng. Nhưng có điều khoản có lợi cho người dân là được cộng số năm công tác trong Nhà nước của những người có tên trong hộ khẩu, mỗi năm công tác được trừ 100 nghìn đồng. Phải lên cơ quan lấy giấy chứng nhận số năm công tác” (Vũ Công Chiến, 2019, tr. 256). Hai căn hộ số 17 và 21 B9 của ông Vũ Công Chiến chỉ phải nộp thêm 2 triệu rưỡi sau khi trừ đi tổng số năm công tác của các thành viên gia đình. Ông cho rằng sau khi mua nhà, có sổ đỏ thì các gia đình có ý thức giữ gìn tài sản hơn: “Cần đập cái gì đó mạnh thì đem xuống gác, chứ không gỡ bừa bãi ở ngoài hành lang như trước” (Vũ Công Chiến, 2019, tr. 256).

Từ khi có quyền sở hữu căn hộ, KTT Kim Liên được ví như một công trường trong nhiều năm. Người ở tầng 1 xây sửa lại phần đã coi nơi cho đẹp. Gia đình ở tầng 2 liên kết xây móng với tầng 1 để chông lên một căn phòng cho vững chãi cũng diễn ra ở nhiều nơi. Ông Chiến cho biết, các nhà ở B8, B11 có nhiều gia đình xây chông như thế. Phía sau các khối nhà, gần như các nhà tầng 2 đều xây chông lên tầng 1. Riêng từ tầng 3 trở lên, chủ yếu làm lồng sắt. B9 có một anh chuyên thầu làm lồng sắt (chuồng cọp) trong thời kỳ này. Cũng có nhà như phòng 50 B8 còn trở thẳng lên nóc nhà, xây thêm một phòng nữa, làm cả sân phơi quần áo. Nhà B8B, B12 cũng lác đác có một vài nhà trở mái xây thêm một căn phòng như thế (Vũ Công Chiến, 2019, tr. 256).

Việc xây dựng như vậy không thể dễ dàng thực hiện mà không có thỏa thuận giữa những người trong cuộc. Sự thỏa thuận diễn ra giữa nhà muốn xây và nhà hàng xóm; giữa nhà muốn xây dựng và chính quyền địa phương. Do đó, quá trình thương thỏa diễn ra ở những quan hệ này. Trịnh Duy Luân và Hans Schenk chỉ ra rằng, khi xây dựng các KTT, các kiến trúc sư đã “tính đến các không gian mở rộng rãi giữa các tòa nhà, làm tăng khả năng chiếu sáng và thông gió theo các nguyên tắc của chủ nghĩa hiện đại trong kiến trúc ở châu Âu và Liên Xô. Tuy nhiên, các nguyên tắc này đã bị phá hủy bởi cả hai sự vi phạm chính thức và không chính thức (Trịnh Duy Luân, Hans Schenk, 2021, tr. 80).

3. Cuộc sống trong không gian mới

Từ khi Đổi mới (1986) và nhất là khoảng những năm 2000 là quãng thời gian có nhiều biến động trong suy nghĩ về không gian của các hộ gia đình ở KTT Kim Liên. Đầu những năm 2000, các hộ gia đình đã mua lại căn hộ của mình đang thuê và trở thành chủ sở hữu. Cũng trong thời gian này, ý niệm về không gian sống cũng được tăng cường hơn trước. Không gian sống giờ đây được trở nên riêng tư hóa rất nhiều so với trước. Nếu như trong thời kỳ đầu tiên của KTT Kim Liên, các hộ gia đình giữ lối sống kiểu làng quê “tối lửa tắt đèn có

nhau” thì đến giữa những năm 1980 đã có sự chuyển biến lớn dựa trên nhu cầu của cá nhân và hộ gia đình.

Như ở phần 2.2 đã trình bày, các hộ gia đình đầu tiên muốn riêng tư hóa công trình phụ theo kiểu không gian sinh hoạt khép kín. Hai hộ gia đình chia sẻ công trình phụ đã ngồi lại và thảo luận cách phân chia sao cho đảm bảo công bằng nhất cho hai bên. Từ Đổi mới đến nay, đa số các căn hộ đều trải qua nhiều lần sửa chữa, coi nói và tạo ra diện mạo đa dạng cho mỗi khối nhà. Có người nhận xét sự đa dạng này là một sự lộn xộn khi các chuồng cọp được làm thò ra thụt vào từ tầng 2 đến tầng 4, các ô cửa ra vào được đập đi xây mới không đồng bộ và những cải tạo cá nhân vào cả đường ống dẫn nước thải chung của cả khối nhà cũng tạo ra nhiều phiền phức. Tuy nhiên, tất cả những hoạt động cải tạo đó đều nhằm mục tiêu cá thể hóa, phục vụ nhu cầu của bản thân hộ gia đình chủ sở hữu.

Thông thường một căn hộ đã được cải tạo hiện nay sẽ gồm 1 phòng khách, bếp, nhà vệ sinh và phần coi nói làm phòng ngủ và đoạn cuối sẽ là lồng sắt để phơi quần áo hoặc trồng cây. Mô hình này có thể thấy ở nhà B9, nhà B12, B5,... Kiểu bố trí không gian này sẽ tạo không gian sinh hoạt chung cho cả gia đình ở phòng khách như tiếp khách, ăn cơm gia đình, xem tivi, nơi trẻ con chơi hoặc nằm ngủ. Phòng ngủ bên trong dành cho vợ chồng chủ nhà, kê được giường đôi, tủ quần áo, bàn làm việc và một lối dẫn ra khu lồng sắt phía sau để phơi quần áo. Lối bố trí không gian như vậy được coi là tối ưu trong bối cảnh căn hộ góc ở KTT Kim Liên.

Tuy nhiên, diện tích phòng ngủ thêm được nhiều hay ít còn phụ thuộc vào mối quan hệ và sự thương thỏa giữa chủ hộ tầng trên và tầng dưới. Nếu hộ gia đình tầng 1 đổ mái bằng ở phần coi nói của mình mà tầng 2 muốn thoả thuận để sử dụng phần mái đó làm phòng ngủ cho nhà mình thì phải đóng góp chi phí làm móng và đổ trần tầng 1 (tức là sàn của tầng 2). Nếu sự thương thỏa ấy diễn ra tốt đẹp thì phần coi nói của tầng 2 được tính toán sao cho sàn nhà giữa phần cũ và phần coi nói nằm trên một mặt phẳng, tạo sự đi lại thuận tiện cũng như thẩm mỹ cho căn hộ. Bà Vũ T. M sống ở nhà B12 chia sẻ, việc coi nói có sự nhất trí của tầng trên, tầng dưới sẽ tốt hơn, diện tích sử dụng rộng hơn và làm đẹp hơn so với tự coi nói bằng các thanh thép nối dài sàn nhà thông thường. Căn hộ của bà là một ví dụ cho sự thương thỏa thành công với tầng 1. Bà cũng cho biết, có những nhà tầng trên, tầng dưới không thích nhau thì tầng dưới họ không cho làm cùng, không cho để đồ hoặc chông sàn lên mái của tầng 1. Những căn hộ như vậy chỉ có thể coi nói bằng cách hàn các thanh sắt lên sàn để nối dài không gian ra. Tuy nhiên, diện tích coi nói sẽ bị hạn chế hơn và sàn của tầng 2 cũng sẽ có hai cấp chứ không phải nằm trên một mặt phẳng, người già có thể bị vấp ngã khi không để ý. Tương tự bà Vũ T. M, ông Nguyễn V. A về ở KTT Kim Liên từ năm 1963 cũng chia sẻ: *“Nếu tầng dưới mà họ cho mình chông lên thì mình có thể đưa ra được dài hơn, nhà bà đưa ra được 5m là được 1 cái phòng nhỏ rồi, chứ còn bếp và vệ sinh thì hẹp lắm”*.

Với một không gian khép kín, những cánh cửa căn hộ dần khép lại tạo sự riêng tư cho gia chủ. Nếu như thời bao cấp, tivi chưa phổ biến thì từ những năm 1990, nhiều nhà đã mua được tivi và tạo ra lối sinh hoạt riêng trong gia đình. Thời kỳ Đổi mới, kinh tế thị trường cũng tạo ra sự chênh lệch kinh tế giữa các gia đình. Có những gia đình phát triển lên, thu nhập cao và đời sống đầy đủ hơn, họ không có nhu cầu giao du với những người hàng xóm xung quanh. Lại có những gia đình kinh tế eo hẹp nên cũng muốn sống khép mình, không muốn quan hệ với những người láng giềng khá giả. Đó cũng là lý do tại sao trước kia luôn mở cửa chào đón hàng xóm vào chơi nhà thì nay các căn hộ luôn khép và đóng chặt cửa.

Cuộc sống cứ thế tiếp diễn ở KTT Kim Liên. Nhiều gia đình lại bán căn hộ của mình cho người khác đến ở hoặc cho thuê lại căn hộ. Vì thế, tỉ lệ người lạ, người mới trong các khối nhà ngày một nhiều hơn. Nhiều người chia sẻ với chúng tôi rằng, bây giờ tỷ lệ người gốc chỉ còn khoảng 10% mà thôi, chủ yếu là người già ở lại KTT này. Khi khối nhà có nhiều người lạ đến ở, khi cùng tầng nhưng nhà hàng xóm không quen biết, hỏi chuyện nhau thì mọi thứ trở nên lạnh nhạt. Tình cảm xóm giềng không có như trước, nỗi lo sợ mất trộm tài sản trong nhà và nhu cầu nghỉ ngơi tái sản xuất sức lao động đã khiến các hộ gia đình đóng chặt cửa khi về nhà. Có thể thấy lối sống ở KTT Kim Liên đã thay đổi từ chia sẻ đến khép kín.

4. Thảo luận về không gian

Có thể thấy rõ trong phần trình bày trên là sự chuyển biến trong nhu cầu và hành động của cư dân KTT Kim Liên về không gian tư của bản thân và gia đình. Không gian là một sản phẩm được kiến tạo và được tái tạo bởi chính hoạt động của con người (Lefebvre, 1991). Do đó, khi nhìn vào không gian tư của cư dân tập thể Kim Liên có thể thấy nó được kiến tạo lại để phục vụ đời sống con người. Rõ ràng là Nhà nước, các kiến trúc sư, kỹ sư đã tạo ra không gian vật lý, còn việc sử dụng như thế nào lại phụ thuộc chính chủ thể của không gian đó. Các cư dân sinh sống lâu dài, từ đầu thập niên 1960 đến 1980 đã xuất hiện nhu cầu sống trong căn hộ khép kín thay vì chung bếp và phòng tắm như nguyên gốc. Xem xét ba trục chính của không gian xã hội theo Lefebvre, những nghiên cứu trường hợp ở mục 3 về cuộc sống trong không gian mới chỉ ra rằng, không gian sống của các cư dân trong KTT Kim Liên tạo ra sự tương tác giữa các hộ gia đình dùng chung khu phụ trong một thời gian dài. Có những sự bất tiện khi sử dụng chung như vậy trong đời sống sinh hoạt hàng ngày như: nhà nấu cơm, người rửa bát, người làm vệ sinh cá nhân lâu, hoặc việc xếp hàng lần lượt chờ nhau. Những va chạm đó tuy nhẹ nhàng nhưng tiềm ẩn và tích tụ lại trong một thời gian dài khiến họ có những nhận thức về không gian hình thành. Đó là hậu quả của việc xây dựng căn hộ khép kín 2 phòng vốn dành cho 1 hộ gia đình thì lại được chia cho 2 hộ cùng sinh sống. Không gian hình thành này không phải do các KTS Triều Tiên hay kỹ sư Việt Nam mà do chính các nhà quản lý nhà ở, các cơ quan chủ quản của Nhà nước phân phối theo chế độ và bối cảnh khó khăn của đất nước. Và cuối cùng, sinh sống trong không gian hình thành này trong khoảng thời gian dài, diễn ra đủ các sự kiện thương thỏa về không gian sinh hoạt khiến cho các cư dân hình thành

“không gian nhận thức” mới. Họ xem xét, cân nhắc và đưa đến hành động thương thỏa với nhau để phân chia không gian cho phù hợp với nhu cầu. Việc ngăn tường chia đôi phần công trình phụ để tạo sự khép kín cho mỗi căn hộ ở khu nhà B KTT Kim Liên là một nghiên cứu trường hợp điển hình cho sự biến đổi không gian này.

Có thể nhìn rộng ra trong bối cảnh thành phố, KTT Kim Liên vốn từ một khu vực ngoại thành, giờ đây đã trở thành một quận trung tâm Thủ đô Hà Nội. Một phần của kết quả này là do sự phát triển quy hoạch chung của thành phố và nền kinh tế thị trường. Dẫu vậy, phải nhìn nhận thêm rằng, chính sự phát triển của kinh tế hộ gia đình tại địa bàn như ki-ốt dịch vụ, cửa hàng kinh doanh đã khiến cho bộ mặt của KTT Kim Liên thoát khỏi quy hoạch gốc và hình ảnh cũ kỹ của KTT Kim Liên. Emmanuel Cerise đã nhận định, những biến đổi này do chính cư dân của KTT đã góp phần nâng cao giá trị kinh tế của KTT Kim Liên (dẫn theo Fanchette, 2016, p. 86).

Để có không gian riêng tư hiện nay của các hộ gia đình là một quá trình diễn ra lâu dài, qua nhiều lần điều chỉnh không gian và có sự thương thỏa, điều đình giữa những chủ thể cùng sống trong không gian đó. Xuất phát từ việc được phân nhà ở tại Kim Liên, nhiều người chung sống trong một căn hộ, dần dần nhu cầu cá nhân, riêng tư của các hộ gia đình đã khiến các chủ thể mong muốn có những không gian tư. Việc thay đổi suy nghĩ này có nguồn gốc từ thay đổi nền kinh tế thị trường, được chuyển giao quyền sở hữu căn hộ và sự thay đổi thành phần cư dân. Đó cũng là sản phẩm của thương thỏa giữa các cư dân nhằm tối ưu hóa việc sử dụng không gian.

Kết luận

KTT Kim Liên với dấu ấn của các chuyên gia Triều Tiên đã đón nhận những cư dân đầu tiên về ở từ năm 1962. Đến nay, trải qua hơn 60 năm tồn tại, KTT Kim Liên đã chứng kiến nhiều thay đổi từ cư dân cho đến cảnh quan và lối sống. Dưới góc nhìn nhân học về các chiều cạnh không gian, bài viết đã chỉ ra những đổi thay trong suy nghĩ và hành động của những con người sinh sống trong KTT Kim Liên để phù hợp với bối cảnh xã hội từng thời kỳ. Nhu cầu về không gian riêng tư không phải chỉ đến những năm 1980 mới có, mà nó đã nhen nhóm ngay từ ban đầu. Tuy nhiên, phải đến giữa thập niên 1980 thì nhu cầu đó mới có thể được thực hiện với sự chủ động của chính các hộ gia đình cùng cư trú tại đó. Sự thương thỏa trong phân định không gian được thể hiện trong quá trình phân chia diện tích sử dụng căn hộ.

Một lần nữa thương thỏa lại nổi lên trong quá trình coi nói các không gian phòng ở của những hộ gia đình. Sự thương thỏa giữa các bên đạt được đỉnh cao khi họ thống nhất được với nhau trong thiết kế, xây dựng để tối ưu hóa nhất về không gian và công năng sử dụng. Kết quả của sự thương thỏa đó không phải đơn giản chỉ là giữa hai gia đình tầng trên, tầng dưới với nhau, mà còn là sự thống nhất vào thời điểm thích hợp và được sự thỏa hiệp của chính quyền địa phương. Do đó, thời điểm thực hiện và mối quan hệ sẽ là chìa khóa cho những chủ căn hộ đạt được mục tiêu của mình.

Nhìn rộng hơn về khía cạnh lý thuyết không gian, mối quan hệ giữa ba loại không gian của Lefebvre tỏ ra hữu hiệu, giúp cho việc phân tích sự biến đổi chức năng của không gian trong KTT Kim Liên. Trước tiên, phải khẳng định rằng không gian là một sản phẩm được kiến tạo và tái tạo bởi chính hoạt động của con người, những chủ thể của không gian đó. Do vậy, một nhà nước hay một kiến trúc sư, kỹ sư hay bất kỳ chủ thể nào đó cũng chỉ có vai trò tạo ra không gian đó ở một thời điểm nhất định. Chức năng của không gian sẽ được thay đổi theo chủ thể sử dụng chứ không hề tồn tại mãi mãi. Vì vậy, không gian cần được xem xét như một “thực tại xã hội” và ở đó có các mối quan hệ giữa các chủ thể sinh sống và trực tiếp góp phần biến đổi không gian đó (Nguyễn Văn Chính, 2020, tr. 260). Trong quá trình sinh sống, chủ thể đã sử dụng không gian sống (lived space) và tạo ra những suy nghĩ, nhận thức về chức năng của không gian. Cuối cùng, các chủ thể thương thỏa với nhau để điều chỉnh không gian sống sao cho phù hợp với không gian nhận thức (perceived space), chính trong quá trình này không gian nhận thức và không gian hình thành cũng bị tác động và biến đổi theo.

KTT Kim Liên là một khu dân cư đầy ắp lịch sử và những ký ức của hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển ở Thủ đô Hà Nội. Những không gian công và tư hiện nay đã bị biến đổi hoàn toàn so với bản thiết kế ban đầu của các KTS Triều Tiên. Tuy vậy, phải khẳng định rằng những biến đổi không gian đó xuất phát từ nhu cầu của những cư dân KTT Kim Liên, không có gì khác hơn là nhằm mục đích phục vụ tốt nhất đời sống bản thân, gia đình và cộng đồng phù hợp với bối cảnh trong từng giai đoạn xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Bourdieu, Pierre (1977), *Outline of a Theory of Practice*, Cambridge University Press, Cambridge.
2. Nguyễn Thị Phương Châm (2020), “Via hè Hà Nội và sự thương thỏa của các chủ thể văn hóa”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam*, số 1 (187), tr. 3-14.
3. Vũ Công Chiến (2019), *Kim Liên một thuở*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Chính (2020), “Nhân học đô thị”, trong Nguyễn Văn Sửu (Chủ biên): *Nhân học: Ngành khoa học về con người*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Đảng bộ Phường Kim Liên (2013), *Lịch sử cách mạng Đảng bộ và nhân dân phường Kim Liên*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
6. Fanchette, Sylvie (2016), *Hà Nội, a Metropolis in the Making: The Breakdown in Urban Integration of Village*, Institut de recherche pour le développement, Marseille.
7. Đặng Thái Hoàng (1985), *Kiến trúc nhà ở Hà Nội thế kỷ 19-20*, Nxb. Hà Nội.
8. Nguyen Van Huy & Nguyen Vu Hoang (2023), “Soviet-style Apartment Blocks in Hanoi: Architecture and Intellectual Exchange”, in Jacob Copeman, Nicholas J. Long, Lam

Minh Chau, Joanna Cook, and Magnus Marsden (Eds.), *An Anthropology of Intellectual Exchange: Interactions, Transactions and Ethics in Asia and Beyond*, Berghahn Books, Oxford.

9. Lefebvre, Henry (1991), *The Production of Space*, Basil Blackwell Ltd., Oxford.
10. Logan, William S. (2000), *Hanoi: Biography of a City*, University of New South Wales Press, Sydney.
11. Trịnh Duy Luân, Hans Schenk (2000), *Nơi ở và cuộc sống của cư dân Hà Nội*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
12. Trịnh Duy Luân, Hans Schenk (2021), *Nhà ở xã hội chủ nghĩa ở Hà Nội: Khám phá các Khu tập thể của thành phố và trải nghiệm của một gia đình cư dân*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Nhiều tác giả (2018), *Tập thể cũ Hà Nội - Ký họa & Hồi ức, Urban Sketchers Hanoi*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
14. Tat Thanh Duong (2022), “A Symbol of Socialist Society: The Collective Living Quarters in Hanoi 1954-2000”, *Journal of Mekong Societies*, 18 (2), pp. 46-75.
15. Dương Tất Thành (2019), “Giá trị lịch sử - văn hóa của các khu tập thể cũ ở Hà Nội: Nghiên cứu trường hợp khu tập thể Trung Tự”, *Tạp chí Khoa học xã hội và Nhân văn*, tập 5, số 1, tr. 128-140.
16. Trịnh Hồng Triển (1984), “Hà Nội xây dựng nhà ở”, *Tạp chí Kiến trúc*, số 3.
17. Dương Đức Tuấn (2005), *Cải tạo không gian kiến trúc - tái khai thác khu chung cư cũ tại Hà Nội đáp ứng điều kiện tạm cư và tái định cư tại chỗ*, Luận án tiến sĩ Kiến trúc, Đại học Kiến trúc Hà Nội.
18. Đặng Hoàng Vũ (2017), *Ảnh hưởng của kiến trúc Xô Viết đối với kiến trúc nhà ở và công cộng tại Hà Nội giai đoạn 1954-1986*, Luận án tiến sĩ Kiến trúc, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.